

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 3 – 2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp A Th, xã L Tr, huyện Tr T, tỉnh An Giang – Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp A Th, xã L Tr, huyện Tr T, tỉnh An Giang – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21 tháng 02 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc M được hai gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng hai năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, do vậy hai

người sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc M

Ông bà có hai con chung, tên Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 01/5/2002 và Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 17/9/2006, hiện hai con chung đang được bà M nuôi dạy chăm sóc.

Ly hôn tùy theo nguyện vọng của hai cháu, nếu sống chung với mẹ thì ông B sẽ tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được cuộc sống.

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M thống nhất lời trình bày của ông B về thời gian và điều kiện đi đến chung sống. Nay đồng ý ly hôn với ông B, vì xét thấy tình cảm không còn

Về con chung có hai cháu tên Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 01/5/2002 và Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 17/9/2006, ly hôn bà yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông Bình phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác nhận không có

Tại phiên tòa : Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông B có yêu cầu xin ly hôn với Bà M hiện có địa chỉ cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 1, ấp A Th, xã L Tr, huyện Tr T, tỉnh An Giang. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr T, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn

Ông B cho rằng thời gian chung sống rất hạnh phúc, nhưng khoảng hai năm gần đây phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã rồi hai người sống ly thân cho đến nay, Bà M cũng đồng ý ly hôn vì xét thấy tình cảm không còn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì : “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát*

sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”, và theo khoản 2 Điều 53 qui định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Văn B đối với bà Nguyễn Thị Ngọc M không được chấp nhận mà Tòa án tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc M là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc M có hai con chung tên Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 01/5/2002 và Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 17/9/2006. Ly hôn bà M yêu cầu được nuôi dạy con chung. Xét yêu cầu của bà M phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu T, nên giao cho bà M được nuôi dạy con chung là phù hợp, bà M không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà M cùng xác nhận không có

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông B khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Ngọc M là vợ chồng

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc M được nuôi dạy hai con chung tên Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 01/5/2002 và Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 17/9/2006, ông Huỳnh Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

Về án phí: Ông Huỳnh Văn B chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: Tu/2015/0018268, ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr T, như vậy ông B đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiện